Ký bởi TRUNG TÂM THÔNG TIN - CÔNG BÁO
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 76/2026/QĐ-CTUBND	*Phú Thọ, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 9693/TTr-SNV ngày 20/10/2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 3. **Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Khắc Hiếu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 76/2026/QĐ-CTUBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý hòa giải viên lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, bao gồm các nội dung: Phân cấp quản lý hòa giải viên lao động; thẩm quyền cử hòa giải viên lao động; phạm vi hoạt động, nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; chế độ, điều kiện hoạt động và nghĩa vụ của hòa giải viên lao động; đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động; chế độ báo cáo và lưu trữ hồ sơ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hòa giải viên lao động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ bổ nhiệm.

b) Sở Nội vụ.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

d) Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

đ) Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Chương II
QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 2. Phân cấp quản lý hòa giải viên lao động

1. Phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện quản lý hòa giải viên lao động do Sở Nội vụ tuyển chọn, đề xuất bổ nhiệm và được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại Điều 73, Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

2. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý hòa giải viên lao động do Ủy ban nhân dân cấp xã tuyển chọn, đề xuất bổ nhiệm và được Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh bổ nhiệm theo quy định tại Điều 73, Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Thẩm quyền cử hòa giải viên lao động

1. Sở Nội vụ cử hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ; phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã cử hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 75 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

3. Tùy theo tính chất, mức độ phức tạp của vụ việc, Sở Nội vụ hoặc phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có thể cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết.

4. Việc cử hòa giải viên lao động được thực hiện bằng văn bản, làm căn cứ thực hiện nhiệm vụ và giải quyết chế độ đối với hòa giải viên lao động.

Điều 4. Phạm vi hoạt động và nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn cấp xã đó.

2. Hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ được cử thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây:

a) Trên địa bàn cấp xã không có hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã từ chối thực hiện nhiệm vụ hòa giải có lý do chính đáng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này và không còn hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện nhiệm vụ hòa giải.

c) Vụ việc có tính chất, mức độ phức tạp cần cử một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết nhưng tại thời điểm phát sinh nhiệm vụ hòa giải, số lượng hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ để đáp ứng yêu cầu đó.

3. Nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

a) Hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề.

b) Hỗ trợ phát triển quan hệ lao động bao gồm: Tư vấn, hướng dẫn pháp luật lao động, hỗ trợ đối thoại tại nơi làm việc khi được phân công.

Điều 5. Chế độ, điều kiện hoạt động và nghĩa vụ của hòa giải viên lao động

1. Chế độ, điều kiện hoạt động

Chế độ, điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 96 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

2. Nghĩa vụ

a) Thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này theo sự phân công của cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động.

b) Tuân thủ quy trình, thủ tục hòa giải tranh chấp theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; lập, quản lý hồ sơ và thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền, nguyên tắc đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hằng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ; phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Điều 2 Quy chế này.

2. Việc đánh giá phải bảo đảm khách quan, công bằng, minh bạch, phản ánh đúng kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và số lượng vụ việc được cử tham gia giải quyết của hòa giải viên lao động.

3. Kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động là một trong các căn cứ để thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

4. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo hai mức sau: Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động

1. Hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

a) Chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định có liên quan đến thực hiện nhiệm vụ.

b) Chấp hành việc cử thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định.

c) Kết quả hòa giải: Tham gia giải quyết các vụ việc tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề được cử thực hiện trong năm bảo đảm đúng thời hạn, quy định pháp luật. Trường hợp trong năm được cử tham gia hòa giải các vụ việc tranh chấp, tỷ lệ hòa giải thành đạt từ 50% trở lên so với tổng số vụ việc được cử thực hiện hòa giải. (*Trường hợp trong năm không phát sinh nhiệm vụ giải quyết tranh chấp lao động thì không xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hòa giải chuyên môn nhưng vẫn giữ nguyên vị trí, danh sách bổ nhiệm*).

d) Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo; thực hiện lập, quản lý hồ sơ các vụ việc hòa giải tranh chấp được cử theo quy định.

2. Không hoàn thành nhiệm vụ

Hòa giải viên lao động được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có hành vi vi phạm pháp luật làm phương hại đến lợi ích các bên hoặc lợi ích của Nhà nước khi thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

b) Tỷ lệ hòa giải thành đạt dưới 50% so với tổng số vụ việc được cử thực hiện hòa giải trong năm (đối với trường hợp thụ lý từ 02 vụ việc trở lên) mà nguyên nhân chủ quan xuất phát từ năng lực, tinh thần trách nhiệm của hòa giải viên lao động.

c) Từ chối nhiệm vụ hòa giải từ 01 lần trở lên khi được cử tham gia giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề mà không có lý do chính đáng theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn chế độ báo cáo hoặc không thực hiện lập, quản lý hồ sơ các vụ việc hòa giải tranh chấp được cử theo quy định.

3. Các trường hợp từ chối nhiệm vụ hòa giải có lý do chính đáng:

a) Hòa giải viên lao động đang trong thời gian nghỉ thai sản, nghỉ hằng năm, nghỉ việc riêng theo quy định của pháp luật lao động mà không đảm bảo thời gian thực hiện nhiệm vụ hòa giải.

b) Hoà giải viên lao động đang bị ốm đau phải điều trị dài ngày theo xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

c) Các trường hợp bất khả kháng khác có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm báo cáo định kỳ hằng năm (trước ngày 30 tháng 11) hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 với cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn báo cáo Sở Nội vụ định kỳ hằng năm (trước ngày 05 tháng 12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

3. Sở Nội vụ tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn tỉnh báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ hằng năm (trước ngày 15 tháng 12) hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 9. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Hòa giải viên lao động có trách nhiệm lập hồ sơ các vụ việc hòa giải tranh chấp được cử thực hiện, nộp hồ sơ và các tài liệu liên quan khác cho cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động theo quy định. Trước khi miễn nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ, hòa giải viên lao động có trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ và tài liệu liên quan khác hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cho cơ quan có thẩm quyền cử hòa giải viên lao động.

2. Sở Nội vụ, phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ các vụ việc hòa giải tranh chấp và các tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Nội vụ

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn phân công hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động trên trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng trên

địa bàn tỉnh để người lao động, người sử dụng lao động biết, liên hệ theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các quy định tại Quy chế này.

d) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác hòa giải lao động theo quy định.

đ) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình hòa giải lao động trên địa bàn tỉnh.

e) Tổng hợp kết quả đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên toàn tỉnh. Đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hòa giải viên lao động theo quy định.

g) Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ, bảo đảm điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ, tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên của Sở theo quy định.

h) Định kỳ hằng năm, tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý hòa giải viên lao động được phân cấp cho Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Chủ động theo dõi, rà soát Quy chế để tham mưu sửa đổi, bổ sung kịp thời khi các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương thay đổi.

2. Sở Tài chính

Căn cứ quy định hiện hành, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị cân đối, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên đã được bố trí hằng năm để tổ chức triển khai thực hiện Quy chế theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp xã theo phân cấp tại Quy chế này.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phòng Văn hóa - Xã hội thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

c) Hằng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện các chế độ, bảo đảm điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

d) Định kỳ hằng năm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Bảo đảm điều kiện làm việc, chế độ cho hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định.

b) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách hòa giải viên lao động trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

c) Hằng năm, đánh giá hoạt động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của hòa giải viên lao động, đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng theo quy định.

d) Thực hiện chế độ bồi dưỡng đối với hòa giải viên lao động; báo cáo tình hình hòa giải lao động trên địa bàn.

5. Quy chế này được triển khai đến các hòa giải viên lao động và các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.